

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HS-ST
Ngày 27- 5 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- TH.Anh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hòa
2. Ông Nguyễn Trọng Hùng

- Th ký phiên tòa: Bà H.A Thị Cẩm Vân - Th ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2023 đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Phạm Thị H, sinh năm 1966, tại huyện Y, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu T, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 03/10; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bá T; con bà Nguyễn Thị N (Đều đã chết); bị cáo có chồng là Đào Văn Đ, sinh năm 1968 và 02 người con: Con lớn sinh năm 1992; con nhỏ sinh năm 1999.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 01/3/2022, bị Công an xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ xử phạt hành chính; hình thức phạt tiền 2.000.000đồng về hành vi Đánh bạc. Bị cáo chấp hành xong ngày 02/3/2022.

Nhân thân: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2023, đến ngày 08/01/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

1.2. Đỗ Xuân Q, sinh năm 1984, tại huyện C, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu H, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông Đỗ Đắc Th; con bà Nguyễn Thị Tn (đều đã chết); bị cáo có vợ là Hạ Thị Tuyết, sinh năm 1987 và 03 người con: Con lớn nhất sinh năm 2007; con nhỏ nhất sinh năm 2023.

Tiền án; tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 13/4/2014, bị cáo bị Công an TX, tỉnh Phú Thọ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, hình thức xử phạt: Phạt tiền 1.500.000đồng, chấp hành xong ngày 14/5/2014;

- Tại bản án số 40/2008/HSST ngày 29/7/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, phạt bổ sung số tiền 3.000.000đồng, chấp hành xong ngày 06/12/2018.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/01/2023, đến ngày 08/01/2023, được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện nay bị cáo đang tại ngoại tại xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đào Trung K, sinh ngày 25/9/2007;

Trú tại: Đội 1, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

Người giám hộ: Chị Nguyễn Thị Thu H.A, sinh năm 1981

Trú tại: Đội 1, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

- Chị Hạ Thị Tuyết, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu H, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 45 phút ngày 05/01/2023, tại nhà Phạm Thị H, sinh năm 1966 ở khu T, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Tổ công tác Công an huyện Cẩm Khê phát hiện H và Đào Trung K, sinh ngày 25/09/2007 ở Đội M, phường MN, thành phố V, tỉnh Phú Thọ có H Hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề. Tổ công tác Công an huyện Cẩm Khê đã lập biên bản vi phạm H.Anh chính đối với Phạm Thị H và Đào Trung K. Tạm giữ của Phạm Thị H: 01 (một) tờ giấy kẻ ngang bên trên có ghi các số tự nhiên, số đầu tiên là 84, số cuối cùng là 4450; 01 (một) bút bi màu xanh; Số tiền 4.450.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tạm giữ của Đào Trung K: 01 (một) mảnh giấy bên trên có ghi các số tự nhiên. Tại chỗ, các đối tượng khai nhận: Khoảng 17 giờ 35 phút ngày 05/01/2023, tại nhà Phạm Thị H, H đã bán số lô, số đề cho Đào Trung K, tổng số tiền K mua số lô, số đề của H là 4.470.000 đồng, H khuyến mại cho K 20.000 đồng, nên K thanh toán cho H 4.450.000 đồng. Ngay sau đó, K và H bị Công an huyện Cẩm Khê phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính như đã nêu trên.

Cùng ngày, Công an huyện Cẩm Khê có Quyết định chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm đến Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê để điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thị H còn khai nhận: Ngoài việc bán số lô, số đề cho K như trên, H còn bán số lô, số đề cho một số người khác nhưng H không rõ tên, tuổi, địa chỉ. Sau đó, H đã mua các số lô, số đề này của Đỗ Xuân Q, sinh năm 1984 ở khu H, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê đã triệu tập Đỗ Xuân Q đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q khai nhận hành vi bán số lô, số đề cho H ngày 05/01/2023 như H khai.

Ngày 06/01/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê thi H.Anh Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thị H và Đỗ Xuân Q, nhưng không tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cùng ngày, cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Khê đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Thị H và Đỗ Xuân Q.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Cẩm Khê đã làm rõ:

Vào khoảng 15 giờ ngày 05/01/2023 tại nhà ở của Phạm Thị H, sinh năm 1966 ở khu T, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ, H bán số lô, số đề cho một số người H không biết tên tuổi, địa chỉ. H bán số lô với giá 23.000 đồng/ 01 điểm lô và khuyến mại cho người mua 20% số tiền mua số đề. H ghi các số lô, số đề vào 01 tờ giấy kẻ ngang, sử dụng 01 tờ giấy than nhằm mục đích in các số lô, số đề trên sang 01 tờ giấy khác để theo dõi (gọi là bảng đề). Tổng số tiền H bán số đề là 2.273.000 đồng và 30 điểm lô với số tiền 690.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đỗ Xuân Q, sinh năm 1984 ở khu H, xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ đến nhà H. Tại đây, H hỏi mua của Q các số lô, số đề, Q đồng ý. Sau đó H đưa cho Q 01 tờ giấy có ghi các số lô, số đề mà bản thân đã bán cho những người mà H không biết tên tuổi, địa chỉ vào buổi chiều cùng ngày. Q đồng ý bán cho H số lô giá là 22.000 đồng/ 01 điểm lô và khuyến mại cho H 26% tổng số tiền đề, khi Q về nhà sẽ tính số tiền H mua số lô, số đề và so kết quả rồi sẽ thanh toán vào ngày hôm sau, sau đó Q ra về.

Đến khoảng 17 giờ 35 phút cùng ngày, Đào Trung K, sinh năm 2007 ở Đội 1 MN, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đến nhà H và hỏi mua các số lô, số đề, H đồng ý bán cho K với giá 23.000 đồng/ 01 điểm lô và khuyến mại cho K 20% số tiền mua số đề. Bản thân K đã tự viết các số lô, số đề muốn mua vào 01 tờ giấy từ trước. Cụ thể, K mua của H các số lô: 84, 48 mỗi số 05 điểm; 91, 92, 93, 94, 19, 29, 39, 49 mỗi số 15 điểm; 05, 50 mỗi số 30 điểm và K mua của H các số đề 84, 48, 91, 92, 93, 94, 19, 29, 39, 49 mỗi số 10.000 đồng. Như vậy, K mua của H 190 điểm lô với số tiền 4.370.000 đồng và mua 100.000 đồng tiền đề. Tổng số tiền K mua số lô, số đề của H là 4.470.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), H khuyến mại cho K 20.000 đồng. K trả cho H 4.450.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). H dùng bút bi màu xanh ghi các số lô, số đề K mua ra 01 tờ giấy để theo dõi. Sau đó H dùng điện thoại di động nhãn hiệu Realme, lắp sim số 0984.863.513 gọi đến số thuê bao 0985.349.017 (H lưu trong điện thoại là “Vo Q”) để hỏi mua thêm của Q các số lô, số đề mà K vừa mua của H. Q đồng ý bán các số lô, số đề trên cho H và lấy bút bi màu xanh ghi thêm các số lô, số đề H vừa mua thêm vào tờ giấy bảng đề mà H đã đưa cho Q trước đó. Như vậy, H đã mua của Q 220 điểm lô với số tiền 4.840.000 đồng và 2.373.000 đồng tiền mua số đề, tổng số tiền H

mua số lô, số đề của Q là 7.213.000 đồng, số tiền trên H chưa thanh toán cho Q. Sau khi bán số lô, số đề cho H thì Q giữ lại để tự thanh toán với người chơi mà không chuyển cho ai khác.

Tại thời điểm các bị cáo bị phát hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề, chưa có kết quả mở Thông xổ số kiến thiết miền Bắc.

Như vậy: Số tiền bị cáo H bán số lô, số đề cho K và một số người khác H không biết tên, tuổi, địa chỉ là 7.433.000 đồng và số tiền H mua số lô, số đề của Q là 7.213.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán số lô, số đề là 14.646.000 đồng (mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Tổng số tiền bị cáo Q bán số lô, số đề cho H là 7.213.000 đồng (Bảy triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

Hình thức mua bán số lô, số đề là dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc mở Thông cùng ngày, gồm một giải đặc biệt và bảy giải từ giải nhất đến giải bảy.

- Đối với hình thức mua bán số đề: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều số tự nhiên từ 00 đến 99, mức tiền mua tùy ý. Nếu số đề của người mua trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt thì người mua thắng bạc và sẽ được người bán số đề trả số tiền gấp 70 lần số tiền đã mua số đề đó. Nếu số đề của người mua không trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt thì thua bạc và mất số tiền đã mua.

- Đối với hình thức đánh bạc mua bán số lô: Người mua tự lựa chọn mua một hoặc nhiều số tự nhiên từ 00 đến 99, mức mua tính theo “điểm”. Nếu số lô của người mua trùng với hai chữ số cuối của một trong các giải thì người mua thắng bạc và sẽ được người bán số lô trả cho số tiền 80.000 đồng / 01 điểm lô thắng. Nếu số lô của người mua không trùng với hai chữ số cuối của tất cả các giải thì thua bạc và mất số tiền đã mua.

Quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về H.Anh vi phạm tội của bản thân. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có liên quan, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng, đồ vật, tài liệu tạm giữ:

Quá trình phát hiện hành vi vi phạm, Tổ công tác của Công an huyện Cẩm Khê đã tạm giữ của Phạm Thị H: 01 (một) tờ giấy kẻ ngang bên trên có ghi các số tự nhiên, số đầu tiên là 84, số cuối cùng là 4450; 01 (một) bút bi màu xanh; Số tiền 4.450.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Tạm giữ của Đào Trung K: 01 (một) mảnh giấy bên trên có ghi các số tự nhiên

Ngày 05/01/2023, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê tạm giữ của Phạm Thị H: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C20, số IMEI1: 867977050967471, số IMEI2: 867977050967463, màu xanh dương, đã cũ, lắp 01 sim; 01 (một) tờ giấy than; 01 (một) tờ giấy trắng có in chữ số bằng giấy than. H trình bày: Tờ giấy và tờ giấy than là tài liệu H lưu để theo dõi số lô, số đề H đã bán vào ngày 05/01/2023, đồng thời, H chuyển bản gốc cho Q để mua số lô, số đề của Q; còn chiếc điện thoại H dùng để gọi cho Q để mua thêm các số lô, số đề ngày 05/01/2023.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê tạm giữ của Đỗ Xuân Q: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mặt trước màu đen,

mặt sau màu đỏ, lắp 01 sim; 01 (một) tờ giấy dạng giấy kẻ ngang có ghi nhiều số tự nhiên bằng mực xanh, góc trên bên phải có chữ “lô”; 01 (một) bút bi màu xanh.

Ngày 13/01/2023, Phạm Thị H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT – Công an huyện Cẩm Khê số tiền 2.983.000 đồng. H trình bày đây là số tiền H bán số lô, số đề ngày 05/01/2023.

Cáo trạng số 18/CT -VKSCK ngày 27/3/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ truy tố Phạm Thị H và Đỗ Xuân Q về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q phạm tội Đánh bạc.

Đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị H;

Đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân Q;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q, mỗi bị cáo từ 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo H và bị cáo Q 03 ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2023 đến ngày 08/01/2023), quy đổi tH.Anh 09 ngày cải tạo không giam giữ. Các bị cáo còn phải chấp H.Anh từ 17 tháng 21 ngày đến 20 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Khê nhận được quyết định thi H.Anh án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Buộc bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q trong thời gian chấp H.Anh án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu số tiền 7.433.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu 01 bút bi màu xanh thu giữ của bị cáo H; 01 sim điện thoại số 0984.863.513 và 01 bút bi màu xanh thu giữ của bị cáo Q không có giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C 20, số IMEI1: 867977050967471, số IMEI2: 867977050967463, màu xanh dương đã cũ của bị cáo H và tịch thu 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ của bị cáo Q để nộp ngân sách nH.A nước.

Trả lại cho chị Hạ Thị Tuyết 01 sim điện thoại số 0985.349.017.

Thu hồi của bị cáo Phạm Thị H số tiền 7.213.000đồng để nộp ngân sách nH.A nước;

Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều trình bày rất ăn năn hối cải về H.Anh vì phạm tội của mình và mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:*

Các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Khê, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2]. *Về những chứng cứ xác định có tội được xác định như sau:* Trong khoảng thời gian từ 15 giờ đến 17 giờ 45 phút ngày 05/01/2023, tại nhà Phạm Thị H, sinh năm 1966; ở khu Thạch Đê, xã Hùng Việt, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; H có hành vi Đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho K và một số người khác H không biết tên, tuổi, địa chỉ với số tiền 7.433.000đồng và H mua số lô, số đề của Đỗ Xuân Q với số tiền là 7.213.000đồng. Như vậy, tổng số tiền bị cáo Phạm Thị H đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề là 14.646.000đ (Mười bốn triệu sáu trăm bốn mươi sáu đồng).

Bị cáo Đỗ Xuân Q có hành vi Đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho bị cáo Phạm Thị H với số tiền là 7.213.000đ (Bảy triệu hai trăm mười ba nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của Phạm Thị H, Đỗ Xuân Q đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Do vậy, bản cáo trạng số 18/CT-VKSCK ngày 27/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê truy tố bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự

Điều 321. Tội đánh bạc

1. “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng

hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Bị cáo H và bị cáo Q phạm tội lỗi cố ý; mức độ phạm tội là ít nghiêm trọng, các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, ảnh hưởng an ninh trật tự tại địa phương. Nên hành vi của các bị cáo phải được xử lý nghiêm.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo H và bị cáo Q đều tH.Anh khẩn khai báo, ăn năn hối cải giúp việc điều tra được thuận lợi nên cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại khoản i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Q đã bị xử phạt về hành vi phạm tội nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- *Về nhân thân của các bị cáo:*

Đối với bị cáo H: Bị cáo H đã 01 lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa hết thời gian được xóa án tích.

Đối với bị cáo Q: Đã có 01 lần bị xử lý về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và 01 lần bị xét xử về hành vi đánh bạc.

Căn cứ tính chất hành vi phạm tội; căn cứ tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với cả hai bị cáo mới đảm bảo trừng trị, giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên, bị cáo H đang có tiền sự về hành vi đánh bạc và số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc lớn hơn đối với bị cáo Q. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo H cao hơn đối với bị cáo Q là phù hợp.

Về khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định và không có thu nhập ổn định, nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, các bị cáo đều không có tài sản riêng có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với vật chứng là số tiền 7.433.000đồng. Đây là số tiền bị cáo Phạm Thị H bán số lô, số đề có được nên phải tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 7.213.000đồng: Đây là số tiền bị cáo Phạm Thị H sử dụng để mua số lô, số đề của bị cáo Đỗ Xuân Q, nhưng bị cáo H chưa thanh toán cho bị cáo Q. Tuy nhiên, việc bị cáo H mua số lô, số đề của bị cáo Q đã hoàn thành. Nên phải thu hồi số tiền này của bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Thị H gồm: 01 tờ giấy than và 01 bút bi màu xanh và 01 sim điện thoại số 0984.863.513 không có giá trị sử dụng phải tịch thu để tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C 20, số IMEI1: 867977050967471, số IMEI2: 867977050967463, màu xanh dương đã cũ; là tài sản của bị cáo H sử dụng làm phương tiện liên hệ thực hiện hành vi phạm tội, nên phải tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

Vật chứng thu giữ của bị cáo Đỗ Xuân Q gồm: 01 bút bi màu xanh không còn giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy.

01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ Q sử dụng liên hệ mua bán số lô, số đề phải tịch thu để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 sim điện thoại số 0985.349.017 là tài sản chị Hạ Thị Tuyết (là vợ của Q). Khi chị Tuyết cho Q mượn không biết Q sử dụng vào việc liên hệ mua bán số lô, số nên cần trả lại cho chị Tuyết.

[6]. Về án phí: Bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q.

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q đều phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Thị H.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 và 4 Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đỗ Xuân Q.

- Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo H 03 (Ba) ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2023 đến ngày 08/01/2023), quy đổi thành 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo

Phạm Thị H còn phải chấp hành 20 (Hai mươi) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân Q 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; trừ cho bị cáo Q 03 (Ba) ngày tạm giữ (từ ngày 05/01/2023 đến ngày 08/01/2023), quy đổi tH.Anh 09 (Chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đỗ Xuân Q còn phải chấp hành 17 (Mười bảy) tháng 21 (Hai mươi một) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q cho Ủy ban nhân dân xã H1, huyện C, tỉnh Phú Thọ trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q.

Buộc bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4, Điều 36 của Bộ luật hình sự. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng đối với mỗi bị cáo là không quá 04 giờ/ 01 ngày và không quá 05 ngày/01 tuần (Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng theo quy định người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng).

Trong thời gian cải tạo không giam giữ, người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự về cải tạo không giam giữ.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu số tiền 7.433.000đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C 20, số IMEI1: 867977050967471, số IMEI2: 867977050967463, màu xanh dương đã cũ và tịch thu của bị cáo Q 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mặt trước màu đen, mặt sau màu đỏ để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu 01 bút bi màu xanh; 01 tờ giấy than và 01 sim điện thoại di động số 0984.863.513 thu giữ của bị cáo H và 01 bút bi màu xanh thu giữ của bị cáo Q để tiêu hủy.

Trả lại cho chị Hạ Thị Tuyết 01 sim điện thoại số 0985.349.017;

(Theo biên bản giao vật chứng ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ).

Thu hồi của bị cáo Phạm Thị H số tiền 7.213.000đồng để nộp ngân sách nH.A nước.

4. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Đỗ Xuân Q, mỗi bị cáo đều phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người giám hộ vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Thi H.Anh án hình sự;
- Thi H.Anh án dân sự;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Người giám hộ;
- Lưu HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng